

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”

3.1. ông Phan Tiên T, sinh năm 1953; địa chỉ: thành phố Đà Nẵng.

3.2. ông Phan T, sinh năm 1952; địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

3.3. ông Phan Bá S, sinh năm 1962; địa chỉ: xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Phan Bá S: Luật sư Doãn Xuất C - Văn phòng luật sư C thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Nam; địa chỉ: tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phan Tiên T, ông Phan T và ông Phan Bá S: ông Phan Lưu Q, sinh năm 1961; địa chỉ: thành phố Đà Nẵng, có mặt tại phiên toà.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Phan Lưu Q: Luật sư Trần Q – Văn phòng luật sư Đỗ Pháp thuộc Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng, có mặt tại phiên toà.

4. Ông Phan Hữu K, sinh năm 1960; địa chỉ: xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

Người kháng cáo: ông Phan Lưu Q là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (T, T, S).

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Theo đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của người khởi kiện thể hiện:

Cụ Đoàn Thị K (bà ngoại của bà Phan Thị Thùy V) có 02 người con là ông Phan L và bà Phan Thị N (bà N là mẹ của bà V). Vào năm 1976 bà Phan Thị N chết, bà V ở với bà ngoại là cụ Đoàn Thị K trong ngôi nhà cụ bà K tại thửa đất số 314, tờ bản đồ số 01, diện tích 286m² tại thôn V, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Năm 1997 cụ K chết. Năm 1998 bà V lập gia đình và tiếp tục ở trong căn nhà và đất của cụ K để lại cho đến nay. Năm 2015 thì ông Phan L chết.

Tháng 8 năm 2020 con trai ông Phan L từ Đà Nẵng về tranh chấp đất. Lúc này bà V mới biết ông L đã làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất từ cụ K sang cho ông L và đã được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) đối với thửa đất số 314, tờ bản đồ số 01, diện tích 286m² vào ngày 18/12/1998 đứng tên hộ ông Phan L. Việc UBND huyện T làm thủ tục sang tên GCNQSDĐ cho ông L là không đúng quy định pháp luật, vì thửa đất trên là di sản thừa kế do cụ K để lại.

Do đó, bà V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy GCNQSDĐ số M 638176 ngày 18/12/1998, vào sổ số 980/QSDĐ/Q1 do UBND huyện T cấp cho hộ ông Phan L đối với thửa đất số 314, tờ bản đồ số 01, diện tích 286m² tại xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

2. Theo Công văn số 986/UBND-TNMT ngày 16/7/2021 của Ủy ban nhân dân huyện T thể hiện:

Theo hồ sơ 64/CP của xã T thì ông Phan L đăng ký sử dụng đất tại thửa đất số 314, tờ bản đồ số 01, diện tích 286m² và thửa đất này đã được UBND huyện T cấp GCNQSDĐ số M 638176 ngày 18/12/1998 cho hộ ông Phan L là đúng thẩm quyền và trình tự thủ tục theo quy định tại Thông tư số 346/1998/TT-TCĐC ngày 16 tháng 3 năm 1998 của Tổng cục Địa chính hướng dẫn thủ tục đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp GCNQSDĐ.

Mặt khác, theo đơn khởi kiện ghi ngày 17/9/2020 và đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ghi ngày 04/11/2020 của bà Phan Thị Thùy V thì bà cho rằng: thửa đất số 314, tờ bản đồ số 01, diện tích 286m² tại thôn V, xã T, huyện T đã được Nhà nước cấp GCNQSDĐ cho bà Đoàn Thị K và UBND huyện T làm thủ tục sang tên GCNQSDĐ cho ông Phan L là không đúng, vì: thửa đất số 314, tờ bản đồ số 1, diện tích 286m² chỉ được cấp GCNQSDĐ lần đầu cho hộ ông Phan L theo đúng quy định nêu trên.

3. Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Lưu Q trình bày:

Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Phan Thị Thùy V, vì: toàn bộ thửa đất số 314, tờ bản đồ số 01, diện tích 286m² tại xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam là của ông bà tổ tiên để lại. Ông Phan L là người được thừa kế toàn bộ diện tích đất nêu trên và ông L đã được cấp GCNQSDĐ. Theo hồ sơ 299/TTg thì cụ K kê khai đăng ký, theo hồ sơ 64/CP là do ông Phan L kê khai đăng ký. Nhưng thực tế đây là đất của tộc Phan từ bao đời, cụ K chỉ là người đại diện đứng tên kê khai theo hồ sơ 299/TTg. Năm 1997 cụ K chết, năm 1998 ông Phan L được UBND huyện T cấp GCNQSDĐ. Khi ông Phan L còn sống có nguyện vọng xây dựng nhà thờ tộc Phan nên họp họ tộc 03 phái và thống nhất làm Hợp đồng tặng cho toàn bộ quyền sử dụng đất cho ba phái tộc Phan để làm nhà thờ tộc Phan. Còn bà Phan Thị Thùy V và ông Phan Hữu K là con nuôi của bà Phan Thị N (chị ruột ông L). Bà V sống với cụ K từ nhỏ, gia đình cũng ghi nhận công sức đóng góp chăm sóc của bà V đối với cụ K nên trong Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, ông Phan L vẫn có di nguyện cho bà V ở trên khu đất đó đến hết đời nhưng không được cho thuê, chuyển nhượng. Từ năm 2018 bà V đã làm đơn xin xác nhận đề nghị UBND xã T xác nhận về quan hệ huyết thống và sao lục các hồ sơ về quyền sử dụng đất tại thửa đất số 314, tờ bản đồ số 01 để làm căn cứ khởi kiện tại Tòa án. Đồng thời, trong ngày chấp mả năm 2016, ngày 14/9/2016 ông Phan Lưu Q đã giao GCNQSDĐ cho bà V nên bà V mới biết để khởi kiện và có chứng cứ để nộp cho Tòa án. Do đó, việc khởi kiện của bà V đã hết thời hiệu khởi kiện theo quy định pháp luật.

4. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Phan Bá S - Luật sư Đoàn Xuất Chúng trình bày:

Việc UBND huyện T cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Phan L đúng quy định pháp luật. Yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Thùy V là không có căn cứ nên đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V.

5. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Hữu K trình bày:

Thông nhất với yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Thùy V, đề nghị Tòa án hủy GCNQSDĐ số M 638176 ngày 18/12/1998, vào sổ số 980/QSDĐ/Q1 do UBND huyện T cấp cho hộ ông Phan L đối với thửa đất số 314, tờ bản đồ số 01, diện tích 286m² tại xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Nguồn gốc thửa đất này là của cụ Đoàn Thị K. Hộ cụ K gồm có cụ K và bà V, không có tên ông Phan L. Ông Phan L kê khai theo hồ sơ 64/CP nhưng thực tế không có ở địa phương và không có tên trong sổ hộ khẩu của bà K.

Với nội dung nêu trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 49/2022/HC-ST ngày 27 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

Căn cứ Điều 3; khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Phan Thị Thùy V: hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 638176 ngày 18/12/1998, vào sổ số 980/QSDĐ/Q1 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho hộ ông Phan L đối với thửa đất số 314, tờ bản đồ số 01, diện tích 286m² tại xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần chi phí tố tụng, án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 05 tháng 7 năm 2022 ông Phan Lưu Q là người đại diện theo uỷ quyền của các ông Phan Tiên T, Phan T, Phan Bá S kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

bà Phan Thị Thùy V trình bày giữ nguyên đơn khởi kiện. Ông Phan Lưu Q trình bày giữ nguyên đơn kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Q trình bày: thời hiệu khởi kiện đã hết, vì ông Q giao GCNQSDĐ cho bà V năm 2016 khi gia đình hợp tộc họ tại nhà bà V. Việc giao GCNQSDĐ này do ông Tình là chồng của bà V nhận. Kê khai theo 299 là cụ K, còn kê khai theo 64 là ông L và ông L được cấp GCNQSDĐ theo UBND huyện là đúng pháp luật. Ông L đã tặng cho 03 người một phần diện tích đất là ngay tình, nên đề nghị chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác đơn khởi kiện của bà V. Ông Q bổ sung: tôi giao sổ đỏ cho chồng bà V năm 2016. Cha tôi thường xuyên về thăm, chăm lo cho cụ K. Nếu Tòa án phúc thẩm chấp nhận bản án sơ thẩm thì đề nghị giữ nguyên GCNQSDĐ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà V trình bày: quyền sử dụng đất

là của cụ K, Văn phòng đăng ký đất đai có văn bản khẳng định đất tranh chấp là của cụ K. Ông Q cho rằng năm 2016 có giao GCNQSDĐ cho chồng bà V nhưng bà V không thừa nhận, nên không thể buộc bà V biết. Đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: từ khi thụ lý vụ án theo trình tự phúc thẩm đến trước nghị án, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Kháng cáo của ông Phan Lưu Q là trong thời hạn luật định.

Về nội dung vụ án: năm 2020 xảy ra tranh chấp đất đai thì bà V mới biết diện tích đất bà đang ở đã được cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Phan L. Như vậy thời hiệu khởi kiện vẫn còn. Bản án sơ thẩm đã quyết định chấp nhận đơn khởi kiện của bà Phan Thị Thuỳ V là có căn cứ. Ông Phan Lưu Q kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh kháng cáo của mình là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của ông Phan Lưu Q, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Sau khi nghe đương sự trình bày, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên; căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án; sau khi thảo luận, nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về tố tụng: ngày 05 tháng 7 năm 2022 ông Phan Lưu Q là người đại diện theo uỷ quyền của các ông Phan Tiên T, Phan T, Phan Bá S kháng cáo Bản án hành chính sơ thẩm số 49/2022/HC- ST ngày 27 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam. Như vậy, kháng cáo của ông Phan Lưu Q là trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 206 Luật Tố tụng hành chính, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

[2]. Về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết và thời hiệu khởi kiện:

Tháng 8 năm 2020 bà Phan Thị Thuỳ V đang sinh sống tại thửa đất số 314, tờ bản đồ số 01 xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam thì xảy ra tranh chấp với người thừa kế của ông Phan L. Lúc này bà V biết được hộ ông Phan L được cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất bà đang sinh sống. Ngày 18 tháng 9 năm 2020 bà Phan Thị Thuỳ V khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam thụ lý giải quyết huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 638176 ngày 18/12/1998, vào sổ số 980/QSDĐ/Q1 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho hộ ông Phan L đối với thửa đất số 314, tờ bản đồ số 01, diện tích 286m² tại xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Như vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền và trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 30, Điều 32, Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[3]. Xét kháng cáo:

[3.1]. Về thời hiệu khởi kiện:

Quá trình giải quyết vụ án, ông Phan Lưu Q cho rằng: từ năm 2016 bà Phan Thị Thùy V đã biết GCNQSDĐ đối với thửa đất số 314, tờ bản đồ số 01 đã được cấp cho hộ ông Phan L. Lý do: năm 2018 bà V đã làm đơn đề nghị UBND xã T xác nhận về quan hệ huyết thống và sao lục các hồ sơ về quyền sử dụng đất tại thửa đất số 314, tờ bản đồ số 01 để làm căn cứ khởi kiện tại Tòa án. Đồng thời, trong chấp mả năm 2016 ông Phan Lưu Q đã giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà V nên bà V mới biết đề khởi kiện và có chứng cứ để nộp cho Tòa án. Do đó, việc khởi kiện của bà V là hết thời hiệu khởi kiện.

Xét thấy: ngoài lời trình bày của ông Phan Lưu Q nêu trên, ông Q không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh việc bà V biết hộ ông Phan L được cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất số 314, tờ bản đồ số 01 vào năm 2018. Hơn nữa, tại đơn xin xác nhận của bà V ngày 08/11/2018 và ngày 07/3/2019 đều không thể hiện nội dung về việc bà V đã biết hoặc nhận được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Phan L đối với thửa đất số 314, tờ bản đồ số 01 xã T, huyện T năm 1998. Cũng như tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, phúc thẩm bà V cũng không thừa nhận việc bà biết được hoặc nhận được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Phan L đối với thửa đất số 314, tờ bản đồ số 01 như trình bày của ông Phan Lưu Q.

[3.2]. Về nguồn gốc diện tích đất tranh chấp 286m² tại thửa đất số 314, tờ bản đồ số 01 xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam:

[3.2.1]. Theo hồ sơ kê khai, đăng ký 299/TTg tại Sổ đăng ký ruộng đất, cụ Đoàn Thị K kê khai thửa đất số 122, tờ bản đồ số 01, diện tích 242m² (bút lục số 141). Theo hồ sơ 64/CP tại Sổ mục kê ông Phan L kê khai thửa đất số 314, tờ bản đồ số 01, diện tích 286m² (bút lục số 143). Ngày 18/12/1998 ông Phan L được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 314, tờ bản đồ số 01, diện tích 286m². Như vậy, cụ Đoàn Thị K là chủ sử dụng của thửa đất số 314, tờ bản đồ số 01 và có thực hiện việc kê khai đăng ký theo Chỉ thị 299/TTg và trên đất có ngôi nhà do cụ K xây dựng và sinh sống ổn định với bà V. Cụ K chết năm 1997. Năm 1998 ông Phan L kê khai và được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 18/12/1998 đối với diện tích đất của cụ K đã kê khai và sinh sống cùng bà V. Theo Văn bản số 227/CAH-QLHC ngày 25/01/2021 của Công an huyện T có nội dung: “... ông Phan L sinh ngày 05/5/1926 từ trước đến nay không có đăng ký thường trú tại hộ bà Đoàn Thị K, số hộ khẩu 1003; trú thôn V, T, T, Quảng Nam... tại thời điểm tháng 12 năm 1998 hộ bà Đoàn Thị K gồm các nhân khẩu sau: bà Đoàn Thị K, sinh năm 1904 (chủ hộ), bà Phan Thị Thùy V, sinh năm 1969 (cháu)...” (bút lục số 111). Như vậy, từ khi ông L kê khai quyền sử dụng đất đến thời điểm được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông Phan L không có hộ khẩu tại hộ cụ Đoàn Thị K, mà hộ cụ K chỉ có 02 nhân khẩu gồm cụ K và bà V; hơn nữa hộ ông Phan L cũng không sử dụng diện tích đất kê khai này. Trước và sau khi cụ K

chết vào năm 1997 thì bà V vẫn tiếp tục sinh sống ổn định tại ngôi nhà và đất của cụ K và có xây dựng thêm nhà ở trên một phần thửa đất từ năm 2000 (sau thời điểm ông Phan L được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Cụ K có hai người con gồm ông Phan L (chết năm 2015) và bà Phan Thị N (chết năm 1976). Bà N có hai người con nuôi gồm ông Phan Hữu K và bà Phan Thị Thùy V.

[3.2.2]. Quá trình giải quyết vụ án ông Phan Lưu Q cho rằng thửa đất số 314, tờ bản đồ số 01 là của tộc Phan, cụ K chỉ đại diện đứng tên kê khai theo hồ sơ 299/TTg. Tuy nhiên ông Q không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày này của mình là có căn cứ. Cụ K chết năm 1997 không để lại di chúc về quyền sử dụng thửa đất số 314, tờ bản đồ số 01. Ông Phan L không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh được thừa kế, được tặng cho hoặc được nhận chuyển nhượng đối với tài sản của cụ K để lại là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 314, tờ bản đồ số 01, diện tích 286m². Năm 1998 UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 638176 đối với thửa đất số 314, tờ bản đồ số 01 cho ông Phan L là không xem xét đến nguồn gốc, không đúng đối tượng sử dụng đất. Hơn nữa, tại Văn bản số 04/VPĐK ngày 07/01/2021 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai T có nội dung: “... thửa đất số 314, tờ bản đồ số 01, diện tích 286m² được UBND huyện T cấp GCNQSDĐ số M 638176 cho hộ ông Phan L ngày 18/12/1998. Ông Phan L có tên trong sổ địa chính theo hồ sơ 64/CP tại thửa đất số 314, tờ bản đồ số 01, nhưng không có tên hồ sơ theo Chỉ thị 299/CP. Hồ sơ cấp GCNQSDĐ của hộ ông Phan L được cấp theo Nghị định 64/CP (cấp đồng loạt theo danh sách) nên không có hồ sơ lưu trữ tại Chi nhánh Văn phòng. Chỉ có tên trong sổ địa chính, sổ mục kê, sổ cấp giấy” (bút lục số 89).

[3.3]. Sau khi hộ ông Phan L được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 638176 đối với thửa đất số 314, tờ bản đồ số 01. Tại Trang 4 của Giấy chứng nhận số vào sổ 980/QSDĐ/Q1 thể hiện: ngày 05/7/2013 hộ ông Phan L được điều chỉnh tên thành ông Phan L đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ngày 09/11/2015 chỉnh lý biến động tặng cho quyền sử dụng đất từ ông Phan L sang cho các ông Phan Tiên T, Phan T và Phan Bá S.

Xét thấy: các nội dung chỉnh lý này phát sinh từ quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 638176 ngày 18/12/1998, vào sổ số 980/QSDĐ/Q1 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho hộ ông Phan L đối với thửa đất số 314, tờ bản đồ số 01, diện tích 286m² tại xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Như phần nhận định nêu trên, năm 1998 UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 638176 đối với thửa đất số 314, tờ bản đồ số 01 cho ông Phan L là không xem xét đến nguồn gốc, không đúng đối tượng sử dụng đất. Do đó, khi hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Phan L đối với thửa đất số 314, tờ bản đồ số 01 nên các nội dung chỉnh lý biến động tại Giấy chứng nhận này cũng không phát sinh hiệu lực pháp luật.

[4]. Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm hôm nay, các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới. Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự và nội dung đã được phân tích tại mục [1], [2] và [3] nêu trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy rằng: Bản án hành chính sơ thẩm số 49/2022/HC-ST ngày 27 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Thùy V là có căn cứ. Bác kháng cáo của ông Phan Lưu Q là người đại diện theo uỷ quyền của các ông Phan Tiên T, Phan T, Phan Bá S, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[5] Án phí hành chính phúc thẩm: ông Phan Tiên T, Phan T, Phan Bá S phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính. Bác kháng cáo của ông Phan Lưu Q là người đại diện theo uỷ quyền của các ông Phan Tiên T, Phan T, Phan Bá S, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

2. Căn cứ Điều 3; khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Phan Thị Thùy V: hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 638176 ngày 18/12/1998, vào sổ số 980/QSDD/Q1 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho hộ ông Phan L đối với thửa đất số 314, tờ bản đồ số 01, diện tích 286m² tại xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

3. Án phí hành chính phúc thẩm: ông Phan Tiên T, Phan T, Phan Bá S phải chịu 300.000đ, được trừ vào số tiền đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000198 ngày 21/7/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Quốc Cường